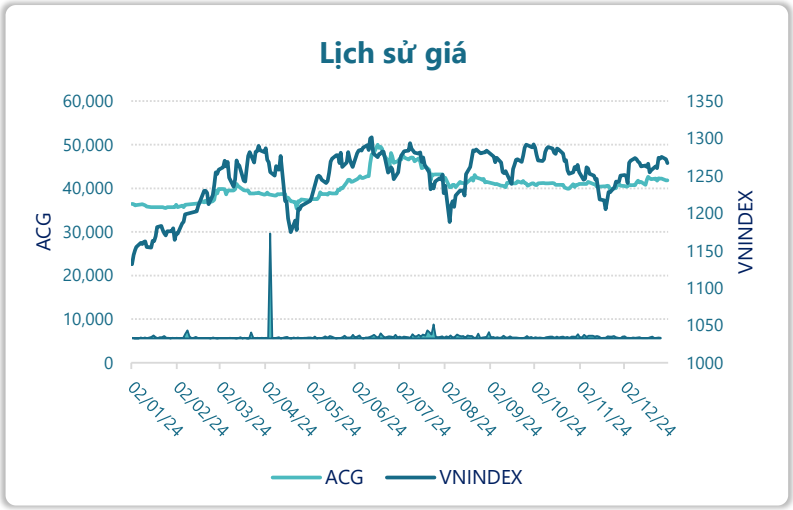
CTCP Gỗ An Cường (HSX: ACG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**41,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,986
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,366
SL cổ phiếu LH	150,787,946
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,880
% sở hữu nước ngoài	38.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,303
P/E	15.0
EPS	2,786

DT thuần

Q4/24

1,216

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 172| 16.5%

YoY: ▲ 65.0| 5.7%

LN sau thuế

Q4/24

90.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼39.9| -30.7%

YoY: ▼71.9| -44.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

13.9%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2024

3,981

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 219| 5.8%

LN sau thuế

2024

420

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -3.8%

ROE

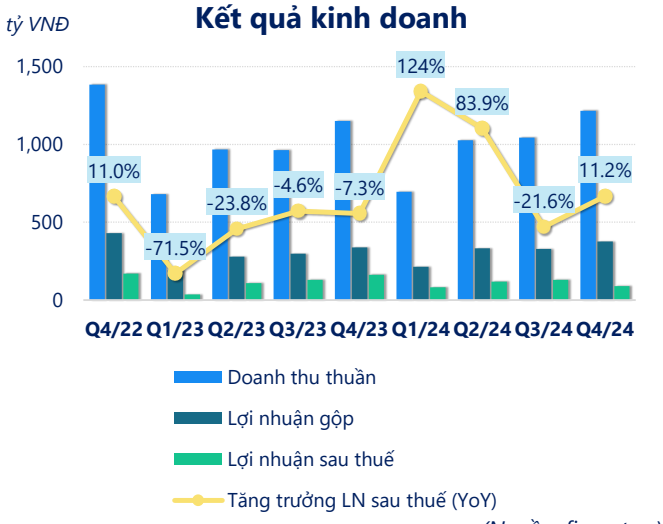
2024

10.1%

+/- YoY: ▼ 0.7%

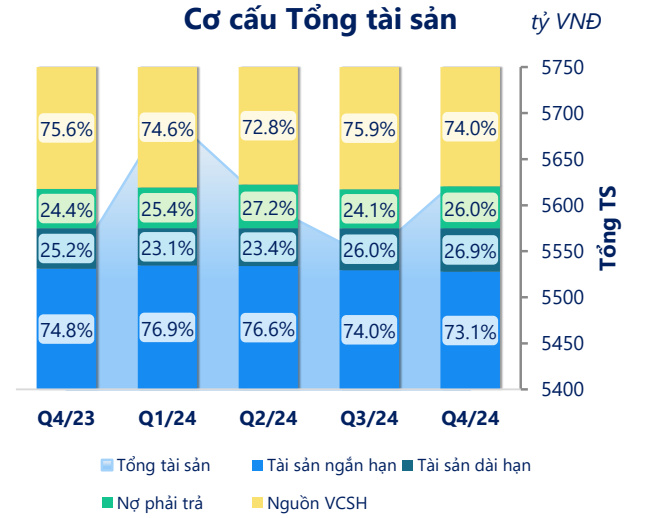
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



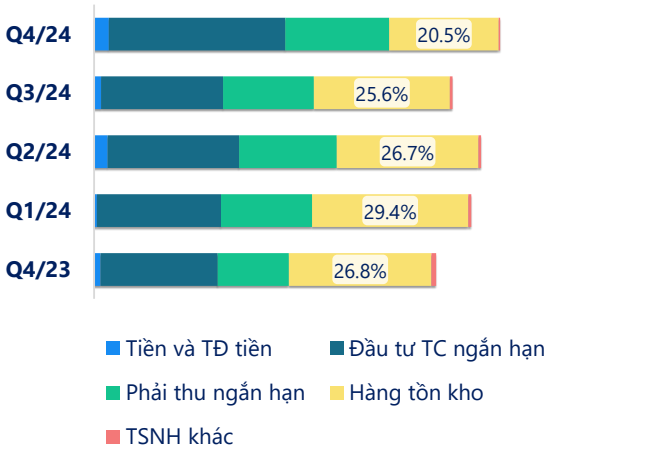
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



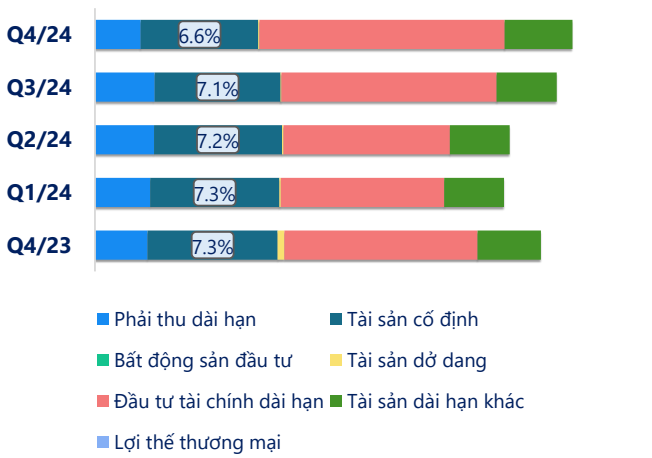
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



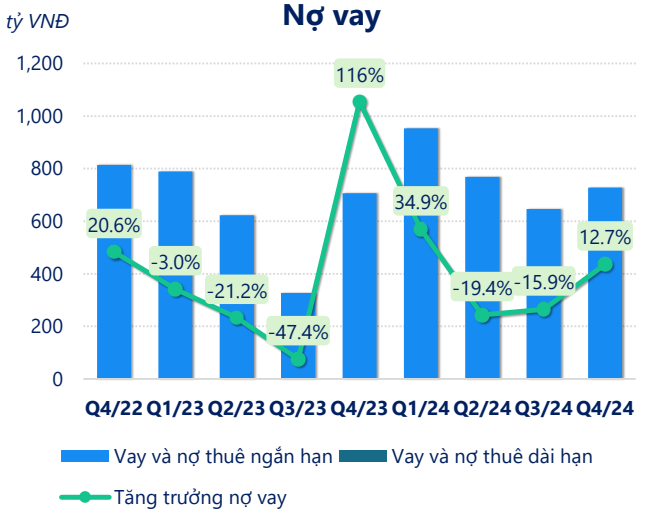
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



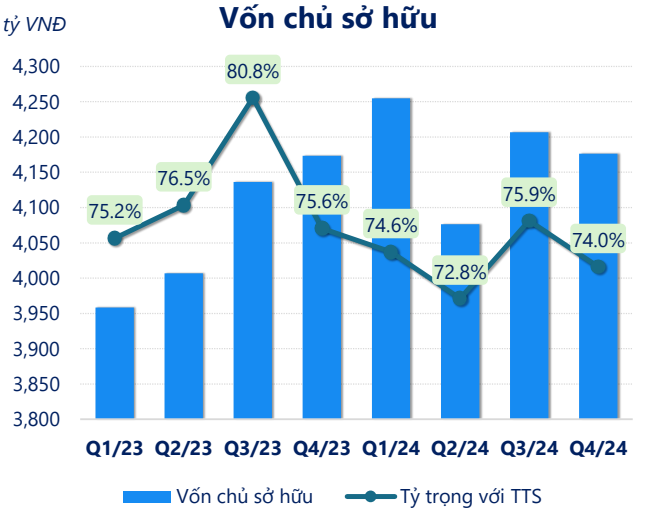
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



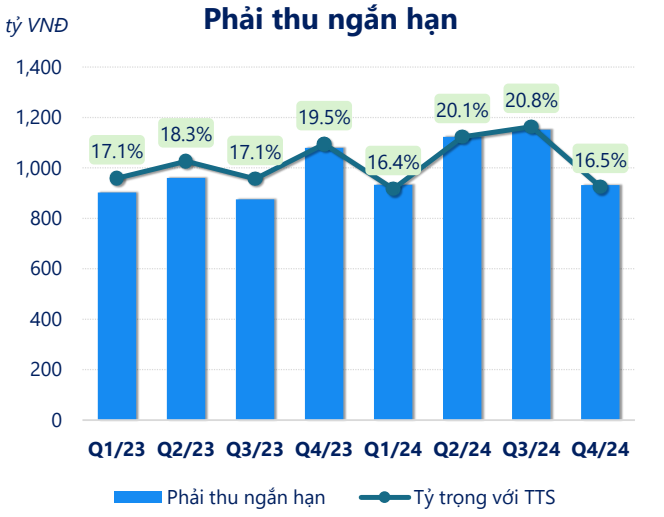
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



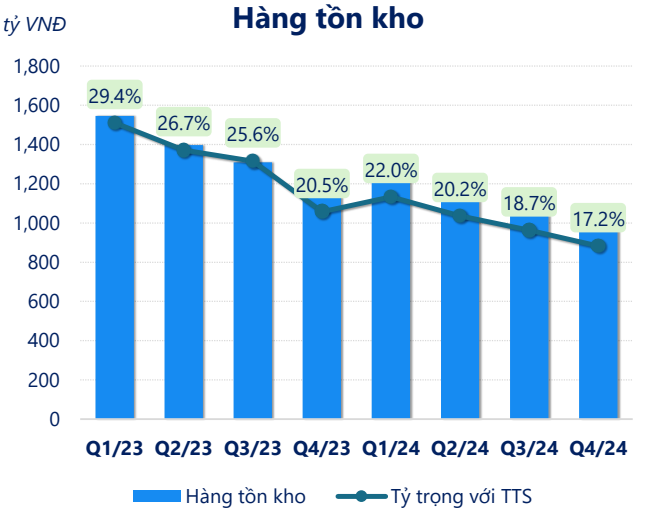
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



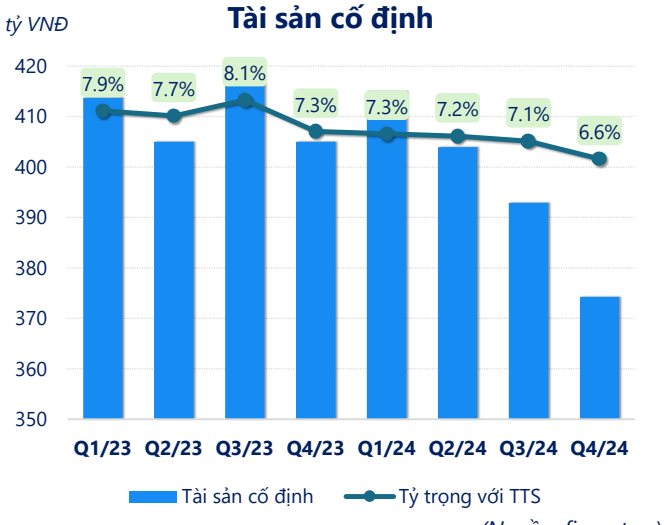
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



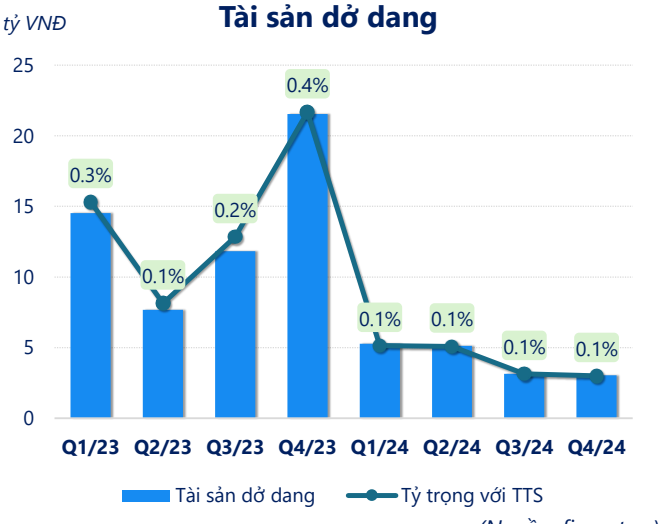
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



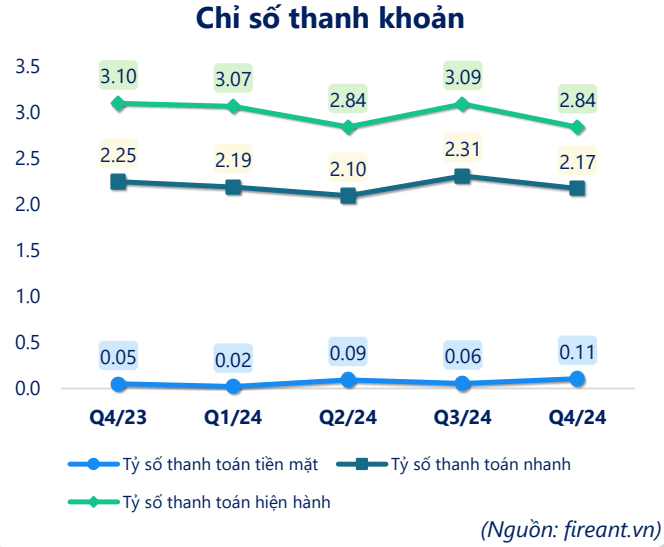
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



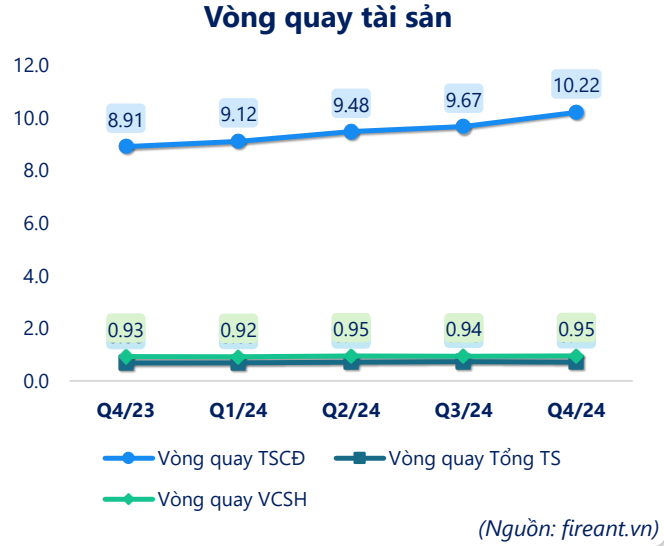
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**5,522**	**5,700**	**5,600**	**5,544**	**5,640**
Tài sản ngắn hạn	**4,132**	**4,385**	**4,290**	**4,100**	**4,120**
Tiền và tương đương tiền	66.9	31.2	142	73.7	155
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,835	2,136	1,873	1,815	2,048
Phải thu ngắn hạn	1,080	933	1,123	1,152	932
Hàng tồn kho	1,135	1,256	1,128	1,038	968
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	28.5	23.9	21.3	16.7
Tài sản dài hạn	**1,390**	**1,315**	**1,310**	**1,444**	**1,520**
Phải thu dài hạn	164	178	187	187	146
Tài sản cố định	405	415	404	393	374
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.5	5.27	5.13	3.14	3.05
Đầu tư tài chính dài hạn	601	525	525	673	780
Tài sản dài hạn khác	198	193	189	188	217
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,349**	**1,446**	**1,524**	**1,337**	**1,464**
Nợ ngắn hạn	**1,334**	**1,430**	**1,508**	**1,325**	**1,451**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	707	953	768	646	728
Phải trả người bán ngắn hạn	263	268	255	270	318
Nợ dài hạn	15.0	15.9	15.1	11.6	12.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,174**	**4,255**	**4,076**	**4,207**	**4,176**
Vốn chủ sở hữu	**4,174**	**4,255**	**4,076**	**4,207**	**4,176**
Vốn điều lệ	1,508	1,508	1,508	1,508	1,508
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)